

Bản án số: **164** /2024/KDTM-PT
Ngày: 28-6-2024.
V/v tranh chấp hợp đồng
Thi công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tú

Các Thẩm phán:

1/ Ông Lê Công Toại.

2/ Bà Hoàng Thị Bích Thảo.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 112/KDTM-PT ngày 10/4/2024 về việc: “tranh chấp hợp đồng thi công”

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 4778/2023/KDTM-ST ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2623/2024/QĐXX-PT ngày 15/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 8527/2024/QĐ-PT ngày 13/6/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Xây Dựng G.

Địa chỉ: Số 3 N, khu phố H, phường K, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Thế H ; sinh năm 1978, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền:

Bà Nguyễn Thanh Th (có đơn xin vắng mặt)

Bà Nguyễn Trang A, sinh năm 2000. (Có mặt)

Địa chỉ: Phòng 6, Tầng 15, Tòa nhà B, số 76 Li, phường Th, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 24/11/2022)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Đăng L ; Luật sư thuộc Công ty Luật P. (Có mặt)

Bị đơn: Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh V.

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn H ; sinh năm 1990, Chức danh: Tổng giám Đốc.

Đại diện theo ủy quyền:

Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1988 (có mặt)

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 11/4/2023).

Do có kháng cáo của Bị đơn Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2022, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn là Công ty cổ phần xây dựng G, người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thanh Th trình bày:

Ngày 18/3/2019 Công ty cổ phần xây dựng G (gọi tắt là Công ty G) và Công Ty Cổ Phần Thương Mại và Dịch vụ Danh V (gọi tắt là Công ty Danh V) có ký hợp đồng thi công xây dựng công trình số 018/2019/HĐTC-DVC. Theo đó, Công ty G sẽ thi công hạng mục san lấp mặt bằng tại dự án Khu du lịch sinh thái biển cao cấp Lạc Việt tại xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty G thực hiện một phần dự án với hạng mục công việc là san lấp mặt bằng. Tuy nhiên sau đó Công ty Danh V có yêu cầu Công ty G dừng thi công vào tháng 06/2019; theo đó đã ngừng thực hiện công việc theo hợp đồng. Sau đó các bên đã ký biên bản nghiệm thu và ngày 19/06/2019 Công ty G đã phát hành hóa đơn giá trị gia tăng số 0000310 với số tiền là 4.109.644.000 đồng gửi cùng hồ sơ đề nghị thanh toán cho Công ty Danh V.

Ngày 21/4/2020, Công Ty G gửi Công văn 0057/CV/APGCONS/2020 về việc yêu cầu quyết toán, thanh lý Hợp đồng số 018/2019/HĐTC-DVC đến Công Ty Danh V để yêu cầu thanh toán số tiền 4.109.644.000 đồng nêu trên (chưa bao gồm tiền phạt vi phạm) nhưng Công Ty Danh V không trả tiền cho Công Ty G.

Ngày 27/10/2020, Công Ty G tiếp tục gửi Công văn số 0138/CV/APGCONS/2020 về việc yêu cầu thanh toán đến Công Ty Danh V với tổng số tiền là 4.657.596.533 đồng, bao gồm tiền nợ gốc là 4.109.644.000 đồng và khoản phạt do chậm thanh toán là 547.952.533 đồng (tương ứng khoảng thời gian chậm thanh toán là 16 tháng với mức lãi suất 10%/ năm).

Ngày 15/4/2021 Công Ty Danh V đã phản hồi bằng Công văn số 1504/CV-TCKT về kế hoạch thanh toán công nợ theo Hợp đồng số 018/2019/HĐTC-DVC. Công ty Danh V căn cứ theo bản quyết toán và công nợ

tồn đọng giữa hai bên, hứa hẹn sẽ có kế hoạch thanh toán công nợ trong tháng 07/2021.

Ngày 31/07/2021, Công ty Danh V và Công ty An Phú G tiến hành ký kết Biên bản thanh lý hợp đồng. Với nội dung: Giá trị hợp đồng ban đầu đầu là 55.000.000.000 đồng, giá trị hợp đồng quyết toán là 4.109.644.000 đồng (đã bao gồm VAT); bên giao thầu (Công ty Danh V) có nghĩa vụ thanh toán cho bên nhận thầu (Công ty G) số tiền 4.109.644.000 đồng chậm nhất là vào ngày 31/10/2021 và thanh toán cho bên nhận thầu một khoản tiền lãi suất chậm thanh toán là 5%/năm trên số tiền 4.109.644.000 đồng tính từ ngày 22/4/2020 đến ngày thực tế thanh toán khoản tiền này. Trong mọi trường hợp, nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền gốc và lãi của bên giao thầu cho bên nhận thầu sẽ không trễ hơn ngày 31/10/2021. Nếu trễ nhất vào ngày 31/10/2021 mà bên giao thầu không thanh toán đầy đủ các khoản gốc và lãi cho bên nhận thầu, bên giao thầu có nghĩa vụ thanh toán thêm một khoản tiền lãi chậm trả trên các khoản tiền gốc và lãi với lãi suất 20%/năm tính từ ngày đầu tiên sau ngày 31/10/2021 đến ngày thực tế thanh toán” các khoản tiền gốc và lãi.

Ngày 29/10/2021 Công ty Danh V đã thanh toán số tiền gốc là 4.109.644.000 đồng cho Công ty G, riêng khoản tiền lãi chậm trả đối với nợ gốc từ ngày 22/4/2020 đến ngày 29/10/2021 là 313.008.502 đồng và tiền lãi bổ sung trên khoản nợ gốc 4.109.644.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 313.008.502 đồng thì chưa thanh toán làm ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của Công ty Phú An Gia nên Công ty Phú An Gia khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Danh V phải thanh toán cho Công ty G số tiền lãi chậm trả đối với nợ gốc từ ngày 22/4/2020 đến ngày 29/10/2021 là 313.008.502 đồng và tiền lãi bổ sung trên khoản nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán trên khoản lãi chậm thanh toán nợ gốc từ ngày 01/11/2021 đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật tạm tính đến ngày 16/11/2022 là 923.304.440 đồng.

Tại bản tự khai và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là Công Ty Cp TM và DV Danh V, người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Ph trình bày:

1. Về trả tiền lãi chậm trả đối với nợ gốc từ ngày 22/4/2020 đến ngày 29/10/2021 số tiền 313.008.502 đồng: Công ty Danh V không đồng ý về thời điểm tính lãi từ ngày 22/4/2020, bởi lẽ:

Theo quy định tại Điều 8.3, 8.4 Hợp đồng thi công: *Công ty Danh V sẽ thanh toán cho Công ty G theo từng đợt trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ từ Công ty G.*

Hồ sơ thanh toán gồm: Đề nghị thanh toán; Hóa đơn GTGT; Biên bản nghiệm thu; Thống kê phiếu xuất mỏ + phiếu xuất mỏ; Bản xác nhận khối lượng và giá trị thực hiện trong kỳ (theo mẫu bên A cung cấp); Hồ sơ chất lượng (nếu có).

Tuy nhiên, theo hồ sơ lưu trữ, Công ty Danh V chỉ mới nhận được một số tài liệu trong hồ sơ thanh toán gồm: Hóa đơn GTGT số 000310 ngày 19/6/2019; Biên bản nghiệm thu hoàn thành giai đoạn thi công xây dựng/bộ phận công trình/gói thầu đề ngày 26/01/2021; Hồ sơ thanh toán (gồm đệ trình hồ sơ thanh

toán; bảng xác nhận khối lượng tổng hợp và giá trị công việc hoàn thành trong kỳ quyết toán) đề ngày 26/01/2021.

Như vậy, đối chiếu với quy định tại Điều 8.3 Hợp đồng thi công thì Công ty G vẫn chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ cho Công ty Danh V. Mặt khác theo quy định tại Điều 20.2 Hợp đồng thi công thì “*nếu sau 10 ngày kể từ ngày nhà thầu đã nộp hồ sơ thanh toán hợp lệ và đến hạn thanh toán mà Chủ đầu tư chưa thanh toán thì nhà thầu được tính thêm lãi suất trên số tiền Chủ đầu tư chưa thanh toán, căn cứ theo lãi suất chậm trả bên chủ đầu tư công bố tại thời điểm chủ đầu tư chậm thanh toán...*”. Tức là, Công ty G chỉ được tính lãi sau thời gian 10 ngày kể từ ngày Công ty G đã nộp đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ cho Công ty Danh V.

Trong khi một số tài liệu của hồ sơ thanh toán đề ngày 26/01/2021 mà Công ty G lại yêu cầu thu lãi chậm thanh toán từ ngày 22/4/2020 là hoàn toàn vô lý và không phù hợp với quy định trong Hợp đồng thi công (thời điểm xác định Công ty G nộp hồ sơ thanh toán hợp lệ, đầy đủ cho Công ty Danh V phải từ sau ngày 26/01/2021).

Do đó, đề nghị Công ty G cung cấp biên bản bàn giao hồ sơ thanh toán hợp lệ (liệt kê đầy đủ danh mục bàn giao và có xác nhận bởi người có thẩm quyền của các Bên) để xác định thời điểm tính lãi cho phù hợp. Nếu Công ty G không cung cấp được chứng cứ về thời điểm đã nộp đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ cho Công ty Danh V thì Công ty Danh V không vi phạm nghĩa vụ thanh toán và không phải chịu lãi chậm thanh toán.

2. Đối với yêu cầu buộc Công ty Danh V trả tiền lãi bổ sung theo biên bản thanh lý tính từ ngày 01/11/2021 đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật, tạm tính đến ngày 16/11/2022 là 923.304.440 đồng:

Dựa trên số tiền lãi bổ sung mà Công ty G yêu cầu, công thức tính sẽ là:
 $(4.109.644.000 \text{ đồng} + 313.008.502 \text{ đồng}) * 381 \text{ ngày} * 20\% / 365 \text{ ngày} = 923.304.440 \text{ đồng}$

Tức là Công ty G đang tính tiền lãi bổ sung trên cả số nợ gốc là 4.109.644.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 313.008.502 đồng.

Theo quy định tại Điều 3.3 Biên bản thanh lý: “*Nếu trễ nhất vào ngày 31/10/2021 mà Bên Giao thầu không thanh toán đầy đủ các khoản tiền tại Điều 3.2(a) và 3.2(b) cho Bên Nhận thầu, Bên Giao thầu có nghĩa vụ thanh toán thêm một khoản tiền lãi chậm trả trên các khoản tiền tại Điều 3.2(a) và 3.2(b) với lãi suất là 20%/năm tính từ ngày đầu tiên sau ngày 31/10/2021 đến ngày thực tế thanh toán các khoản tiền tại Điều 3.2(a) và 3.2(b).*”

Về khoản tiền lãi bổ sung trên nợ gốc: Công ty Danh V không đồng ý do toàn bộ khoản nợ gốc này đã được Công ty Danh V thanh toán cho Công ty G vào ngày 29/10/2021 (trước thời điểm đến hạn theo thỏa thuận).

Về khoản lãi bổ sung trên tiền lãi chậm thanh toán: Sau khi Công ty G bổ sung được văn bản xác định thời điểm tính lãi chậm thanh toán theo nội dung tại khoản 1 nêu trên thì việc tính lãi bổ sung sẽ căn cứ trên số tiền lãi chậm thanh

toán đã được xác định lại (nếu Công ty G không bổ sung được thì không có căn cứ tính khoản lãi bổ sung này).

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 4778/2023/KDTM-ST ngày 27/12/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức đã tuyên xử:*

Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty cổ phần xây dựng G.

1. Buộc Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Danh V phải thanh toán cho Công ty cổ phần xây dựng G số tiền lãi chậm trả trên khoản tiền gốc 4.109.644.000 đồng kể từ ngày 22/4/2020 đến ngày 29/10/2021 là 313.008.502 (ba trăm mười ba triệu, không trăm lẻ tám ngàn, năm trăm lẻ hai đồng).

2. Buộc Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Danh V phải thanh toán cho Công ty cổ phần xây dựng G số tiền lãi trên khoản tiền 313.008.502 đồng từ ngày 01/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/12/2023 là 134.979.557 (một trăm ba mươi bốn triệu, chín trăm bảy mươi chín ngàn, năm trăm năm mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu buộc Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Danh V phải thanh toán cho Công ty cổ phần xây dựng G số tiền lãi chậm trả trên khoản tiền gốc 4.109.644.000 đồng từ ngày 01/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/12/2023 là 1.772.213.604 (một tỷ, bảy trăm bảy mươi hai triệu, hai trăm mười ba ngàn, sáu trăm lẻ bốn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, lãi chậm thi hành án.

Ngày 09/01/2024 bị đơn Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Danh V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

**** Tại phiên tòa Phúc thẩm:***

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Nguyên đơn – Công ty cổ phần xây dựng G yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Danh V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện bị đơn Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Danh V xác định yêu cầu kháng cáo là kháng cáo 01 phần bản án đối với mục 1 và 2 của bản án sơ thẩm, đồng ý với mục 3 của bản án sơ thẩm. yêu cầu Tòa án cấp phúc

thẩm chấp nhận kháng cáo của Bị đơn sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn Công ty Danh V là không có cơ sở, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của phía nguyên đơn và bị đơn, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định của Pháp luật tố tụng.

[2] Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty Danh V còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ hợp đồng số 018/2019/HDTC-DVC ngày 18/3/2019 giữa Công ty cổ phần xây dựng G và Công Ty Cổ Phần Thương Mại và Dịch vụ Danh V về việc thi công hạng mục san lấp mặt bằng tại dự án Khu du lịch sinh thái biển cao cấp Lạc Việt tại xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Tại Biên bản thanh lý Hợp đồng số 018/2019/HDTC-DVC ngày 31/7/2021 giữa Công ty G và Công ty Danh V theo đó Giá trị hợp đồng ban đầu đầu là 55.000.000.000 đồng, giá trị hợp đồng quyết toán là 4.109.644.000 đồng (đã bao gồm VAT); bên giao thầu (Công ty Danh V) có nghĩa vụ thanh toán cho bên nhận thầu (Công ty G) số tiền 4.109.644.000 đồng chậm nhất là vào ngày 31/10/2021 và thanh toán cho bên nhận thầu một khoản tiền lãi suất chậm thanh toán là 5%/năm trên số tiền 4.109.644.000 đồng tính từ ngày 22/4/2020 đến ngày thực tế thanh toán khoản tiền này. Trong mọi trường hợp, nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền gốc và lãi của bên giao thầu cho bên nhận thầu sẽ không trễ hơn ngày 31/10/2021. Nếu trễ nhất vào ngày 31/10/2021 mà bên giao thầu không thanh toán đầy đủ các khoản gốc và lãi cho bên nhận thầu, bên giao thầu có nghĩa vụ thanh toán thêm một khoản tiền lãi chậm trả trên các khoản tiền gốc và lãi với lãi suất 20%/năm tính từ ngày đầu tiên sau ngày 31/10/2021 đến ngày thực tế thanh toán các khoản tiền gốc và lãi.

Ngày 29/10/2021 Công ty Danh V đã thanh toán số tiền gốc là 4.109.644.000 đồng cho Công ty G.

Xét, yêu cầu kháng cáo của Công ty Danh V không đồng ý trả khoản tiền lãi 5%/năm trên số tiền 4.109.644.000 đồng tính từ ngày 22/4/2020 đến ngày Công ty Danh V thanh toán (29/10/2021) vì cho rằng Công ty G chưa cung cấp hồ sơ đầy đủ, do đó việc chậm trễ thanh toán là do lỗi của Công ty G – HĐXX nhận thấy:

Tại Điều 1 của Biên bản thanh lý Hợp đồng số 018/2019/HĐTC-DVC ngày 31/7/2021 thể hiện: “bên nhận thầu đã hoàn thành khối lượng công việc theo Hồ sơ quyết toán đã gửi từ bên nhận thầu đến bên giao thầu.”

Tại mục 3.1 điều 3 của Biên bản thanh lý Hợp đồng số 018/2019/HĐTC-DVC ngày 31/7/2021 thể hiện:” bên nhận thầu đã hoàn tất toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng.”

Tại điểm b mục 3.2 của Biên bản thanh lý Hợp đồng số 018/2019/HĐTC-DVC ngày 31/7/2021 thể hiện: “Thanh toán cho bên nhận thầu một khoản tiền lãi suất chậm thanh toán là 5%/năm trên số tiền 4.109.644.000 đồng tính từ ngày 22/4/2020 đến ngày thực tế thanh toán khoản tiền này.”

Xét, sau khi ký biên bản thanh lý hợp đồng 018/2019/HĐTC-DVC ngày 31/7/2021 thì Công ty Danh V không có thắc mắc hay khiếu nại gì đối với biên bản thanh lý hợp đồng, vì vậy Công ty Danh V cho rằng Công ty G chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ là không có căn cứ. Do đó, Công ty G yêu cầu Công ty Danh V thanh toán tiền lãi chậm trả đối với nợ gốc là 4.109.644.000 tính từ ngày 22/4/2020 đến ngày 29/10/2021 với lãi suất là 5%/ năm số tiền là 313.008.502 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty Danh V không đồng ý thanh toán thêm một khoản tiền lãi chậm trả trên khoản tiền 313.008.502 đồng, nhận thấy tại biên bản thanh lý hợp đồng 018/2019/HĐTC-DVC ngày 31/7/2021 đôi bên thỏa thuận tại mục 3.3 Điều 3 của Biên bản thanh lý- đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên và không trái pháp luật, nên Công ty G yêu cầu Công ty Danh V thanh toán thêm một khoản tiền lãi chậm trả trên khoản tiền 313.008.502 đồng tính từ ngày 01/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 27/12/2023 với lãi suất là 20% /năm tương ứng số tiền là 134.979.557 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa, Công ty Danh V cũng không xuất trình được chứng cứ gì khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, vì vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Công ty Danh V.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Công ty Danh V, đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Đối với các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của Công ty Danh V không được chấp nhận nên Công ty Danh V phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Danh V.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 4778/2023/KDTM-ST ngày 27/12/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh:

Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty cổ phần xây dựng G.

1). Buộc Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Danh V phải thanh toán cho Công ty cổ phần xây dựng G số tiền lãi chậm trả trên khoản tiền gốc 4.109.644.000 đồng kể từ ngày 22/4/2020 đến ngày 29/10/2021 là 313.008.502 (ba trăm mười ba triệu, không trăm lẻ tám ngàn, năm trăm lẻ hai đồng).

2). Buộc Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Danh V phải thanh toán cho Công ty cổ phần xây dựng G số tiền lãi trên khoản tiền 313.008.502 đồng từ ngày 01/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/12/2023 là 134.979.557 (một trăm ba mươi bốn triệu, chín trăm bảy mươi chín ngàn, năm trăm năm mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3). Không chấp nhận yêu cầu buộc Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Danh V phải thanh toán cho Công ty cổ phần xây dựng G số tiền lãi chậm trả trên khoản tiền gốc 4.109.644.000 đồng từ ngày 01/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/12/2023 là 1.772.213.604 (một tỷ, bảy trăm bảy mươi hai triệu, hai trăm mười ba ngàn, sáu trăm lẻ bốn đồng).

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty cổ phần xây dựng G phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 65.166.408 (sáu mươi lăm triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn, bốn trăm lẻ tám đồng) và được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà phía Công ty cổ phần xây dựng G đã nộp là 24.544.694 (hai mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi

bốn ngàn, sáu trăm chín mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0007977 ngày 10/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thủ Đức. Buộc Công ty cổ phần xây dựng G phải nộp thêm số tiền án phí là 40.621.714 (bốn mươi triệu, sáu trăm hai mươi một ngàn, bảy trăm mười bốn đồng).

- Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Danh V chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 21.919.522 (hai mươi một triệu, chín trăm mười chín ngàn, năm trăm hai mươi hai đồng).

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Danh V phải chịu số tiền là 2.000.000 (hai triệu) đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025363 ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thanh Tú

